

Bản án số: **36/2024/HNGĐ- ST**  
Ngày: 14/5/2024  
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Tô Loan**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Lò Thị Thanh Bình**.

**Ông Nguyễn Quang Khải**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Tiến Trường**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2024/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Cà Thị K**; sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T**; sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Hiện đang chấp hành án tại: Đội 56, Phân trại số A, Trại giam Y, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La), vắng mặt có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Cà Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 21/4/2006, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh chị có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T nghiện ma túy nhiều năm và đã đi chấp hành án về nhưng vẫn không cai được ma túy. Đến năm 2017 anh T bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”,

hiện anh T đang chấp hành án tại: Đ, Phân trại số A, Trại giam Y, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị K làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Chị Cà Thị K và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 02/12/2006; cháu Trần Quang M; sinh ngày 28/7/2010. Quan điểm của chị K là sau ly hôn chị K sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị K khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị K cho anh Trần Văn T biết để anh T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

*Tại bản tự khai đề ngày 15 tháng 4 năm 2024 và trong đơn xin vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh T và chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 21/4/2006, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh chị có hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nay chị K làm đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh T đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Cà Thị K có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 02/12/2006; cháu Trần Quang M; sinh ngày 28/7/2010. Quan điểm của anh T là sau khi ly hôn các con chung sẽ do bố mẹ đẻ của anh T là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng: Anh T khai không có.

Hiện anh T đang chấp hành hình phạt tù trong Trại giam nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Cà Thị K vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị được ly hôn

với anh Trần Văn T và giải quyết quan hệ con chung theo nội dung đơn xin ly hôn chị K đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

**[1] Về tố tụng:** Chị Cà Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T. Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh T hiện nay đang chấp hành án tại Đội 56, Phân trại số A, Trại giam Y, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La, trước khi bị bắt anh T có địa chỉ tại: Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn đang chấp hành án trong trại giam nên quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Xét về hôn nhân:** Chị Cà Thị K và anh Trần Văn T kết hôn vào ngày 21/4/2006 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, anh chị kết hôn với nhau là tự nguyện, không bị ai ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo qui định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên quan hệ giữa chị K và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Sau đó anh T bị Tòa án xử phạt 13 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện anh T đang chấp hành án tại: Đ, Phân trại số A, Trại giam Y, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La. Tại bản tự khai ngày 15/4/2024 anh T xét thấy bản thân đang chấp hành án tại Trại giam Y, tỉnh Sơn La, không có điều kiện chăm sóc gia đình, anh T không làm tròn trách nhiệm của người chồng dẫn đến tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị K.

**[2.2] Xét về con chung:** Anh T và chị K có 02 con chung là cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 02/12/2006; cháu Trần Quang M; sinh ngày 28/7/2010. Chị K

có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Tại bản tự khai 15/4/2024 anh T trình bày, nguyện vọng của anh T sau khi ly hôn các con chung là cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 02/12/2006; cháu Trần Quang M; sinh ngày 28/7/2010 sẽ do bố mẹ đẻ của anh T là người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hội đồng xét xử xét thấy rằng hiện tại anh T đang chấp hành án tại Trại giam Y, tỉnh Sơn La, anh T không thể có điều kiện nuôi dưỡng các cháu Thùy T1 và Quang M, việc anh T mong muốn các con chung sẽ do bố mẹ đẻ của anh nuôi dưỡng, chăm sóc như vậy sẽ trái với quy định của pháp luật. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ cũng như đơn trình bày nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, giao các con chung cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Hiện tại anh T đang chấp hành án không có khả năng cấp dưỡng nên HĐXX chấp nhận việc chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

**[2.3] Về quan hệ tài sản:** Tài sản riêng, Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

**[3] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Cà Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị K là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị K có đơn xin miễn án phí. HĐXX chấp nhận miễn án phí DSST cho chị Cà Thị K.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Cà Thị K với anh Trần Văn T.

**2. Về con chung:** Giao các con chung là cháu Trần Thị Thùy T1, sinh ngày 02/12/2006; cháu Trần Quang M; sinh ngày 28/7/2010 cho chị Cà Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về chia tài sản chung;** Tài sản riêng; Tài sản chung; N phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không có.

**4. Về án phí:** Miễn 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Cà Thị K.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Cà Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2024).

Anh Trần Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- UBND xã Mường Lói, HDB, tỉnh DB;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tố Loan**

